

KHAI THÁC ĐA PHƯƠNG TIỆN TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 2

Đặng Thị Lệ Tâm

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Email: tamdtl@tnue.edu.vn

Article history

Received: 15/11/2023

Accepted: 06/12/2023

Published: 20/01/2024

Keywords

Multimedia, informational text, reading comprehension, Vietnamese, elementary school

ABSTRACT

The basic and important goal of the Vietnamese subject in elementary school is to develop students' ability to communicate in Vietnamese. To achieve this goal, students need to practice reading, writing, speaking and listening skills through rich and diverse materials, ensuring the requirements for selection criteria and building materials of the program. Starting from the importance of developing reading comprehension ability in the direction of developing learners' qualities and abilities, in this article, we propose basic directions in using multimedia in teaching. Reading and understanding informational texts for elementary school students in general and 2nd grade students in particular. To train specific skills for students, teachers need to grasp and thoroughly understand the situations that arise in students' psychological behavior, and need to diversify the way of teaching informational text to bring about a sense of understanding, excitement and excitement for the children.

1. Mở đầu

Sử dụng đa phương tiện (ĐPT) trong dạy học là một phương diện của ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học. Bộ GD-ĐT đã ban hành nhiều văn bản nhằm thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong xã hội cũng như trong giáo dục; Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020. Như vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ĐPT trong dạy học là một đòi hỏi tất yếu trong ngành giáo dục.

Ở tiểu học, Tiếng Việt là môn học trung tâm vì môn học này vừa có tính đối tượng vừa có tính công cụ. Mục tiêu cơ bản, quan trọng của môn học là phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt cho HS. Để đạt được mục tiêu này, HS cần được rèn các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua các ngữ liệu phong phú, đa dạng, đảm bảo các yêu cầu về tiêu chí chọn lựa và xây dựng ngữ liệu của chương trình. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 tập trung dạy học đọc hiểu văn bản theo hai kiểu loại cơ bản: văn bản văn học và văn bản thông tin (VBTT). Do VBTT không sử dụng các yếu tố hư cấu, tưởng tượng và mục đích chính là cung cấp thông tin nên HS thường cảm thấy ít hứng thú khi rèn kỹ năng đọc hiểu. Vì vậy, muốn rèn luyện các kỹ năng cụ thể cho HS, GV cần nắm bắt, hiểu thấu đáo các tình huống nảy sinh hành vi tâm lý của HS, đa dạng hóa cách thức dạy học VBTT để mang lại cảm xúc và hứng thú cho HS. Một trong những cách thức đó là sử dụng ĐPT trong quá trình dạy học.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc phát triển năng lực đọc hiểu theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, trong bài báo này, sau khi đề cập một số vấn đề lý luận về vai trò của ĐPT trong dạy học, chúng tôi nêu những bước chuẩn bị khi sử dụng ĐPT trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS tiểu học nói chung và HS lớp 2 nói riêng thông qua một số ví dụ cụ thể.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Đa phương tiện và vai trò của đa phương tiện trong dạy học

2.1.1. Khái niệm “đa phương tiện”

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về ĐPT. Trước hết, chúng ta cần làm rõ ý nghĩa của thuật ngữ “ĐPT”. Có hai cách hiểu cơ bản về thuật ngữ này, đó là: (1) ĐPT được hiểu là “*thông tin được kết hợp từ nhiều dạng thông tin và được thể hiện một cách đồng thời*” (Phạm Thế Long và cộng sự, 2019, tr 121). Ví dụ: trong giờ học, GV có thể sử dụng kết hợp hình ảnh, băng ghi âm, phim giáo khoa, mô hình,... để việc dạy và học hiệu quả hơn. Với cách hiểu này, thì “ĐPT” nói về cách sử dụng phối hợp nhiều phương tiện riêng rẽ trong dạy học, như vậy thì “ĐPT” đã có từ lâu, trước khi có video tương tác và máy vi tính. Để phân biệt người ta dùng thuật ngữ “ĐPT truyền thống”; (2) ĐPT

là “*sự tích hợp lí thú giữa phần cứng và phần mềm máy tính, cho phép tích hợp các tài nguyên video, audio, hoạt hình, đồ họa và trải nghiệm để xây dựng và thực hiện một trình diễn kết quả nhờ một máy tính có cấu hình thích hợp*” (Mạc Văn Tiên và Trần Văn Khiêm, 2007, tr 17). Như vậy, đã có những quan niệm khác nhau về ĐPT. Tuy nhiên, các quan niệm này đều thống nhất rằng: *ĐPT là sự tích hợp về các phương tiện như văn bản, hình ảnh, hoạt hình và mô phỏng, video và âm thanh, thông qua hệ thống máy tính (máy tính, điện thoại, kết nối Internet, máy chiếu, các phần mềm, các ứng dụng...)* trong đó tạo khả năng tương tác giữa người sử dụng và hệ thống.

2.1.2. Vai trò của đa phương tiện trong dạy học

Vai trò của ĐPT trong dạy học được thể hiện cụ thể như sau: (1) *Phát huy tính tích cực của người học trong quá trình học tập*: ĐPT tác động trực tiếp tới người học từ những yếu tố bên ngoài (thỏa mãn sở thích, giải trí, vui chơi...). Việc dạy học với ĐPT có thể gia tăng các yếu tố này nhằm tạo ra động lực bên trong cho người học. Vì thế, GV cần xây dựng môi trường học tập để cho phép HS tự khám phá; luôn đặt người học vào những tình huống có vấn đề để người học tự mình giải quyết; (2) *Giúp người học mở rộng nhận thức* thông qua tác động vào nhiều các giác quan để kích thích tư duy của cả hai bán cầu não. Vì thế, khi GV sử dụng kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh giúp người học tưởng tượng và tổ chức lại trong kí ức làm việc. Quá trình này là sự kết hợp giữa ĐPT với trải nghiệm và phán đoán của người học nhằm mở rộng nhận thức của họ; (3) *Đáp ứng được phong cách học tập của người học*: Máy tính với công nghệ ĐPT là môi trường thích hợp nhất để cá thể hóa hoạt động học tập nhằm tạo ra những điều kiện và hoàn cảnh phù hợp. Khi sử dụng ĐPT, GV phải chú ý thiết kế các sản phẩm hỗ trợ HS có cơ hội phát triển ý tưởng của bản thân và thử nghiệm với quá trình học tập. Dạy học có sự hỗ trợ của ĐPT có thể tạo ra các hiệu ứng sống động giúp cải thiện hứng thú học tập và trí nhớ của HS. Thay vì đọc, hiểu và ghi nhớ, HS có thể hiểu các khái niệm... nhanh chóng, chính xác và có thể dễ dàng đưa ra những lập luận, ý tưởng và những phản hồi ngay lập tức. Vì vậy, bài học sinh động hơn, thu hút sự chú ý của HS và không chỉ đạt được mục tiêu truyền thụ kiến thức, kĩ năng mà còn tạo cơ hội giúp HS hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất (Trần Thúy Nga, 2022, tr 35).

2.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở tiểu học

2.2.1. Văn bản thông tin

VBTT (Informative text) trong Khung chương trình Tiếng Anh của Úc - 2003 đã được xác định: “*là những văn bản mà mục đích chính là cung cấp thông tin. Chúng bao gồm những văn bản có nội dung quan trọng về phương diện văn hóa trong xã hội và nội dung thông tin có thể được đánh giá như một kho lưu trữ tri thức hoặc chỉ là một phần của cuộc sống hàng ngày*” (ACARA, 2013, tr 137).

Khác với văn bản văn học, VBTT chủ yếu được viết để truyền đạt thông tin hoặc kiến thức. Nell K. Duke cùng nhóm nghiên cứu của ông cũng đã đưa ra cách hiểu về VBTT như sau: “*VBTT là loại văn bản có mục đích chính là chuyển tải thông tin về thế giới tự nhiên, xã hội và những văn bản dùng trong đời sống thường nhật. Loại văn bản này thường hướng đến toàn bộ các lớp, loại sự vật trong cách tiếp cận, mà hầu như không hoặc ít chịu sự chi phối bởi sự thay đổi của yếu tố thời gian*” (Duke et al., 2013, tr 16).

VBTT bao giờ cũng trình bày thông tin một cách khách quan, không hư cấu; cung cấp thông tin về đối tượng một cách chi tiết, giúp người đọc/nghe hiểu những gì được mô tả bằng cách tổ chức hoặc phân loại thông tin (Đặng Thị Lệ Tâm, 2020, tr 43). Nội dung được đề cập tới trong VBTT là những đề tài gần gũi với cuộc sống, vì vậy nó có tính thời sự, hàm chứa giá trị văn học và mang ý nghĩa nhân loại. Những đề tài trong VBTT rất phong phú, bao hàm mọi mặt của đời sống.

2.2.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

Có thể thấy, VBTT bao giờ cũng trình bày thông tin một cách khách quan, cung cấp thông tin về đối tượng một cách chi tiết, giúp người đọc/ nghe hiểu những gì được mô tả bằng cách tổ chức hoặc phân loại thông tin. Trong văn bản, tác giả sử dụng những cách thức hoặc phương tiện (tính năng) để hỗ trợ người đọc trong việc tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng và có hiệu quả.

PISA 2012 cho rằng khi đọc hiểu VBTT, yêu cầu người đọc phải hoàn thành nhiệm vụ đọc như sau: Lấy thông tin từ văn bản; Tạo nên sự hiểu biết chung về văn bản; Phát triển sự giải thích về văn bản; Phản ánh và đánh giá về nội dung của văn bản; Phản ánh và đánh giá về hình thức của văn bản. Năm nhiệm vụ này được tổ chức thành ba phương diện chính: truy cập và lấy thông tin; tích hợp và giải thích; phản ánh và đánh giá.

Tùy vào mục đích đọc, tùy theo đối tượng HS, GV sẽ tìm ra những phương pháp đọc hiểu khác nhau. Song theo phương pháp nào cũng bao gồm một loạt các kĩ năng giải mã các yếu tố ngôn từ của văn bản đến việc phân tích, đánh giá để hiểu nội dung và hình thức của văn bản, từ đó vận dụng những gì đã đọc vào thực tiễn đời sống của cá nhân theo mục đích nhất định: “*Một trong những yếu tố then chốt làm nên sự thành công của một nền giáo dục chính*

là năng lực dạy học của GV. Theo đó, việc phát triển năng lực dạy học đọc hiểu VBTT cho GV Ngữ văn là vô cùng cần thiết và cấp bách” (Vũ Thị Thu Hương, 2019, tr 25).

2.3. Sử dụng đa phương tiện trong dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 2

Sử dụng ĐPT trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 2 cần đảm bảo nguyên tắc sau: (1) *Bám sát định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đảm bảo việc dạy học theo hướng tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực người học*: Cùng với đọc hiểu văn bản văn học, việc dạy học đọc hiểu VBTT sẽ giúp HS trở thành người có năng lực đọc để đáp ứng những yêu cầu của học tập và đời sống; (2) *Đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm HS lớp 2*: Ở lứa tuổi HS lớp 2, sự tập trung chú ý của trẻ tuy đã phát triển nhưng vẫn thiếu tính bền vững, chưa thể tập trung lâu dài và dễ bị phân tán trong quá trình học tập. Các em dễ bị cuốn hút bởi những gì mới mẻ, có màu sắc, có hình khối và khó để lôi cuốn sự chú ý của các em vào những gì không rõ ràng, khó hiểu hoặc quá quen thuộc, buồn chán. Vì vậy, sử dụng ĐPT trong dạy học để thu hút sự chú ý của HS, kích thích hứng thú và duy trì chú ý không chủ định, làm cho giờ học hấp dẫn và lôi cuốn; (3) *Đảm bảo yêu cầu về phối hợp giữa kênh ngôn ngữ và kênh hình ảnh của ĐPT*: Đặc trưng cơ bản nhất của ĐPT khác so với phương tiện dạy học khác đó là sự kết hợp các phương tiện dạy học trực quan trong một tổng thể nhằm khai thác nhiều phương thức cảm giác cùng một lúc. Tính trực quan của ĐPT thể hiện ở việc phải đảm bảo tính chính xác, gọn gàng, sắp xếp khoa học, trình bày đẹp. ĐPT hiện đại dạng kỹ thuật số lại càng đòi hỏi sự thiết kế logic, hệ thống vì có nhiều yếu tố ĐPT cần phải liên kết, sắp xếp hiệu quả; (4) *Đảm bảo tính sư phạm*, cụ thể: phù hợp với quan điểm sư phạm, quan điểm về tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục; tuân thủ tính logic của hoạt động tổ chức dạy học, giáo dục nhất là các “pha” của hoạt động dạy học, các bước và yêu cầu khi xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, kế hoạch giáo dục...

Sử dụng ĐPT trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 2 theo các giai đoạn sau:

2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị bài

Nhiều năm nay, Bộ GD-ĐT không có chủ trương các trường tiểu học giao bài tập về nhà cho HS học 2 buổi/ngày nhằm giảm áp lực cho các em. Thời gian ở nhà, HS có thể tự ôn tập thêm hoặc chuẩn bị trước cho bài mới nếu thấy cần. Việc chuẩn bị bài mới nhằm khuyến khích trẻ tự học, tự đọc sách báo, tạo thói quen tích cực trong học tập, thuận lợi cho việc tiếp nhận, lĩnh hội kiến thức bài mới; giúp các em tích cực xây dựng bài, mạnh dạn đặt ra được các câu hỏi về những gì mình chưa hiểu cho GV và nhận được câu trả lời cho những gì mình chưa hiểu trong lần đọc bài ở nhà. Với nội dung đọc hiểu văn bản, đặc biệt là VBTT, hướng dẫn học bài, hướng các em vào những ý trọng tâm, những câu hỏi trọng tâm, điều này rất có ích trong việc đọc hiểu văn bản trên lớp. Cụ thể:

- *Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà với các vật thật*

Vật thật được xem như một phương tiện thông tin cho khả năng thực hiện một cách dễ hiểu hơn bước chuyển tiếp từ hình ảnh cụ thể đến tư duy trừu tượng. Tùy theo nội dung của từng bài học mà GV triển khai hướng dẫn cho HS chuẩn bị bài ở nhà bằng vật thật. Việc tìm kiếm, chuẩn bị vật thật phục vụ cho nội dung bài học sắp tới sẽ khiến HS có thêm hứng thú vào bài học, có thêm thời gian để tìm hiểu sâu về đối tượng tìm kiếm, từ đó tiếp thu bài học một cách nhanh chóng và chủ động, đạt được hiệu quả giáo dục. Tuy nhiên, GV cũng cần lưu ý khi hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà với vật thật. Với những đồ vật quá to hoặc ẩn chứa nguy hiểm GV cũng cần phải cân nhắc khi cho HS chuẩn bị bởi những đồ vật như vậy sẽ khiến cho quá trình di chuyển của các em gặp trở ngại, nguy hiểm.

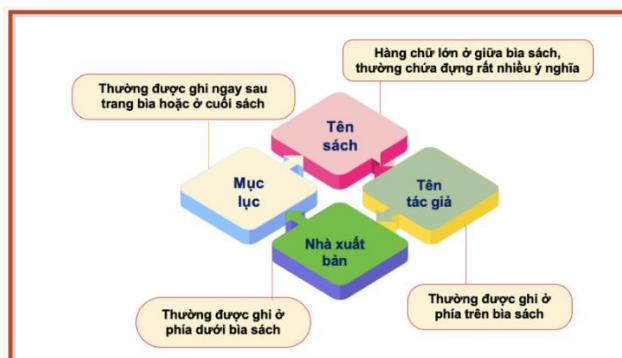
Ví dụ: Trước khi dạy bài: “Cuốn sách của em” (Bùi Mạnh Hùng, 2021a, tr 63), để HS chủ động tiếp thu bài và hiểu bài nhanh hơn, GV sẽ yêu cầu HS chuẩn bị một cuốn sách bất kỳ và yêu cầu HS tìm hiểu về tên của cuốn sách, tên tác giả và một số thông tin được viết trên bìa sách.

- *Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà bằng cách sơ đồ hóa*

Sơ đồ giúp HS hệ thống hoá các kiến thức đã biết liên quan đến bài học, các kiến thức muốn biết và kiến thức đã học sau bài học, bao gồm các sơ đồ: Sơ đồ tư duy, sơ đồ graph; mô hình KWL (Know - Want - Learned) - là mô hình các kỹ thuật dạy học tích cực, logic... Sơ đồ giúp HS lĩnh hội nội dung bài tập sắp tới một cách trực quan. Thông qua các hình ảnh, sơ đồ đã tự chuẩn bị sẵn, HS có thể chủ động trong việc trao đổi thông tin với GV, với bạn bè, từ đó hình thành nên hệ thống tri thức mới cho bản thân. HS cũng có thể dễ dàng khái quát nội dung bài và phát hiện được những mối liên hệ của các đơn vị kiến thức dễ dàng hơn.

Ví dụ: Trước khi dạy bài “Cuốn sách của em” (Bùi Mạnh Hùng, 2021a, tr 63), để HS chủ động tiếp thu kiến thức, GV giao nhiệm vụ cho HS ở nhà đọc, sưu tầm một số cuốn sách và vẽ sơ đồ về vị trí của những thông tin có trên bìa sách, chẳng hạn như:

- *Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà bằng việc tìm kiếm, sưu tầm những nguồn tư liệu có liên quan ở dạng hình ảnh hay video*



Hình 1. Sơ đồ hóa bài *Cuốn sách của em*

Hình ảnh, video vừa có tác dụng kích thích hứng thú học tập cho HS vừa là đối tượng thẩm mỹ giáo dục tư tưởng tình cảm, bồi dưỡng nhận thức và định hướng thẩm mỹ cho các em. Qua việc quan sát các hình ảnh, video, HS sẽ nắm vững nội dung bài học hơn. Các hình ảnh phù hợp với chương trình học lớp 2 rất đa dạng và phong phú, từ hình ảnh người nông dân, chiến sĩ... cho đến hình ảnh của nhân vật lịch sử, danh nhân... đều dễ dàng tìm được trên báo chí, sách, hay các trang web. Việc tìm kiếm, sưu tầm tư liệu dưới dạng hình ảnh này giúp cho HS tập trung đến đối tượng tìm kiếm và có thời gian để tìm hiểu thêm về nguồn gốc hay các câu chuyện đằng sau tư liệu đó.

Ví dụ: Trước khi học bài “Đất nước chúng mình” (Bùi Mạnh Hùng, 2021b, tr 110-111), GV chia nhiệm vụ cho HS tìm hiểu các hình ảnh về thủ đô Hà Nội, hình ảnh về các vị anh hùng có công lớn với đất nước như: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hồ Chí Minh,... những người đã làm rạng danh lịch sử nước nhà, hay tìm những hình ảnh về tà áo dài truyền thống của con người Việt Nam để khi tìm hiểu nội dung bài học, HS sẽ có cái nhìn cụ thể và chủ động hơn trong việc tiếp thu bài học.

Việc sử dụng video tương đối khó so với khả năng của HS lớp 2, cho nên, việc tìm kiếm, sưu tầm tư liệu ở dạng video chỉ dừng lại ở việc HS có thể xem video đó dưới sự giúp đỡ của phụ huynh và ghi nhớ tiêu đề, nội dung và các nhân vật đã xuất hiện trong video. Nội dung mà GV yêu cầu đối với HS cũng đơn giản ở những vấn đề về đất nước, con người.

Ví dụ: Cũng như khi chuẩn bị dạy bài: “Trên các miền đất nước”, GV phối hợp với phụ huynh cho HS xem trước các đoạn video ngắn về một số nơi có trong bài học như: Đề nói về vùng đất “Quê cha đất tổ” Phú Thọ nước ta, HS có thể xem trước các video: Về miền đất Tổ (<https://www.youtube.com/watch?v=oVh6bR4zs-E&t=52s>); Giỗ Tổ Hùng Vương - Hướng về cội nguồn dân tộc (<https://www.youtube.com/watch?v=HJLT0TCByuc>); Đến với xứ Nghệ, có thể xem các video: Đạo quanh xứ Nghệ - vùng đất 990 năm địa linh nhân kiệt (<https://www.youtube.com/watch?v=ofOgJeAfUTI>); Nói đến Đồng Tháp Mười có thể cho HS xem những video: Đồng Tháp Mười tuy quen mà rất lạ - Tập 1 (<https://www.youtube.com/watch?v=tp9Y22072GQ&t=63s>)

2.3.2. Giai đoạn tổ chức chiếm lĩnh tri thức trong dạy học đọc hiểu văn bản

- *Tổ chức dạy học đọc hiểu VBTT có sử dụng vật thật, âm thanh, hình ảnh, phim tư liệu, video...*

Tổ chức luyện tập đọc nội dung văn bản bằng cách cho HS quan sát nội dung văn bản trên màn hình máy chiếu, tivi; hoặc nghe nội dung dựa vào máy ghi âm... kết hợp với nội dung có sẵn trong sách giáo khoa. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, trình bày lại dưới dạng sơ đồ tư duy hoặc thuyết trình trao đổi để phân tích và hiểu rõ hơn về nội dung của văn bản và mối liên hệ giữa các phần trong văn bản để tạo nên tính chỉnh thể của văn bản đó. Đối với các ĐPT thuộc nhóm hiện vật nên lưu ý đồ dùng đơn giản, nhiều màu sắc và phù hợp với từng chủ đề mà bài học hướng đến, đồng thời phù hợp với điều kiện và khả năng của HS.

Ví dụ: Đối với việc giảng dạy bài “Khám phá đáy biển ở Trường Sa” (Bùi Mạnh Hùng, 2021a, tr 122), GV cũng sưu tầm những hình ảnh về Trường Sa như:



Hay video có nội dung liên quan như: Phim đặc biệt “Khám phá dưới biển Trường Sa” (<https://www.youtube.com/watch?v=BTKZoFE19dI&t=663s>)

Sau đó, GV sử dụng máy chiếu, ti vi để phát lại những đoạn video, hình ảnh đó cho HS xem. Khi HS xem xong, GV tổ chức cho các em nói những điều em biết về biển (*Dưới đây đại dương nước biển như thế nào? Có những loài cá nào? Ngoài ra có những loài sinh vật biển nào khác?*). Tiếp theo, để tăng cường thêm khả năng nhận thức của HS, GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về sự ô nhiễm biển hiện nay cũng như hình ảnh các loài sinh vật biển chịu ảnh hưởng của sự ô nhiễm đó để các em có thể nhận ra được hậu quả nghiêm trọng của việc ô nhiễm môi trường biển và có thể tự đưa ra những giải pháp để giảm thiểu hậu quả gây ra.

- Tổ chức dạy học đọc hiểu VBTT bằng các kỹ thuật dạy học KWL, Khăn trải bàn...

+ Kỹ thuật KWL (Know: Đã biết, Want: Muốn biết, Learn: Học được) là kỹ thuật dạy học tích cực gồm 3 câu hỏi được mô tả dưới hình thức lập bảng. Trước khi cho HS đọc kỹ VBTT *Khủng long* (Bùi Mạnh Hùng, 2021a, tr 42-43), GV yêu cầu HS đọc nhan đề bài “Khủng long”, xem một số hình ảnh và video về loài vật này (HS chuẩn bị hình ảnh khủng long từ ở nhà, GV chuẩn bị thêm video) và cho HS suy nghĩ về những gì em đã biết (về loài vật trên, về đặc điểm kích thước, về nơi sống, về thời gian xuất hiện và về sự tồn tại của chúng hiện nay...) và ghi vào cột thứ nhất (K) để trả lời câu hỏi: “Tôi đã biết gì về vấn đề này?”, giúp HS kích hoạt được kiến thức nền của mình. Sau đó, HS sẽ ghi thêm những câu hỏi mà bản thân mình muốn biết ở cột W.

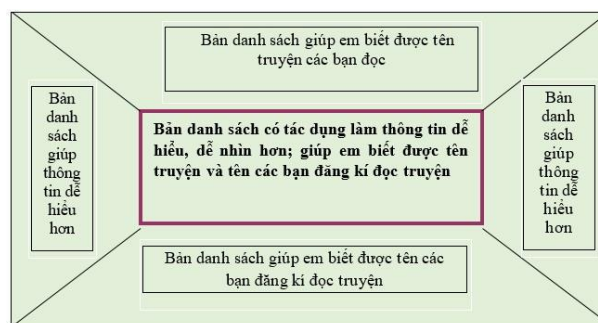
Phiếu học tập KWL (Bài *Khủng long*)

K (Tôi đã biết gì về vấn đề này)	W (Tôi muốn học/muốn biết thêm những gì về vấn đề này)	L (Tôi đã học được gì về vấn đề này)
Văn bản: Khủng long Đặc điểm kích thước: rất to lớn Nơi sống: các vùng đất khô Thời gian xuất hiện: từ rất lâu, từ khi con người chưa xuất hiện Sự tồn tại của chúng hiện nay: đã bị tuyệt chủng	Câu 1. Khủng long ăn gì? Câu 2. Khủng long có loại kích thước nhỏ không? Câu 3. Khủng long săn mồi tốt nhờ những bộ phận nào? Câu 4. Vì sao khủng long có khả năng tự vệ? Câu 5. Hiện nay chúng ta không thể gặp khủng long thật không?

Sau khi đọc văn bản: HS trả lời những câu hỏi mà mình đã nêu ở cột W. Bước này giúp HS nhận ra cái gì mình đã hiểu và chưa hiểu, qua đó so sánh những kiến thức, thông tin chính xác nhất đã thu nhận được sau khi đọc xong so với những liên tưởng, suy đoán, hiểu biết hạn hẹp ban đầu ở giai đoạn trước và trong khi tiếp đọc VBTT.

+ Kỹ thuật Khăn trải bàn: Kỹ thuật này áp dụng cho hoạt động nhóm với một chủ đề nhỏ trong tiết học, HS cùng nghiên cứu một chủ đề. Từng thành viên các ý kiến của mình vào các góc của khăn trải bàn, mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút. Đây là bước giúp HS phát huy được khả năng đọc hiểu của bản thân, ngoài ra còn tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân. Kỹ thuật này giúp cho hoạt động nhóm có hiệu quả hơn, mỗi HS đều phải đưa ra ý kiến của mình về chủ đề đang thảo luận, không ỷ lại vào các bạn học khác, giỏi. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời. Nhóm trưởng viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn. GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả hoạt động nhóm của mình, giúp HS phát huy được kỹ năng thuyết trình, rèn sự mạnh dạn, tự tin phát biểu trước tập thể lớp.

Ví dụ: ở bài đọc “Danh sách HS” (Bùi Mạnh Hùng, 2021a, tr 51), với yêu cầu/câu hỏi đọc hiểu Bài 4: *Bản danh sách có tác dụng gì?*, GV yêu cầu các nhóm cùng thảo luận theo hình thức khăn trải bàn. Các nhóm bầu nhóm trưởng và cùng thảo luận về vấn đề GV đưa ra. Ở bước này, GV có thể cung cấp thêm cho HS một số hình ảnh minh họa về các loại danh sách và gợi ý vào bài học để HS dễ dàng tìm kiếm câu trả lời. Từng thành viên làm việc độc lập, viết ý kiến của mình vào một góc của khăn trải bàn. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời. Nhóm trưởng tiếp nhận ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn. GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình.



2.3.3. Giai đoạn vận dụng kiến thức kỹ năng sau bài học

Hoạt động vận dụng được bố trí vào mục cuối cùng của bài học. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện các bước: (1) Xác định yêu cầu của hoạt động; (2) Thực hiện yêu cầu cá nhân hoặc theo cặp/ nhóm nhỏ; (3) Trưng bày sản phẩm; (4) Chia sẻ, rút kinh nghiệm. Hoạt động vận dụng cũng có thể được thực hiện linh hoạt, không nhất thiết phải thực hiện cuối bài học mà có thể thực hiện sau khi luyện tập một kỹ năng của bài học.

Ví dụ: Sau khi HS tìm hiểu xong bài “Tết đến rồi” (Bùi Mạnh Hùng, 2021b, tr 19), ở phần liên hệ, GV có thể cho HS chia sẻ, thuyết trình về ngày Tết ở quê em bằng một số những hình ảnh minh họa (Vào dịp Tết gia đình em thường có những hoạt động gì? Em thích hoạt động nào nhất? Cảm xúc của em khi Tết đến xuân về?). Hay khi học bài “Hồ Gươm” (Bùi Mạnh Hùng, 2021b, tr 126), GV có thể giao nhiệm vụ cho HS sưu tầm một số hình ảnh về Tháp Rùa, Cầu Thê Húc và tìm hiểu trước về những địa điểm đó (về lịch sử hình thành, về cấu trúc) để khi tìm hiểu bài, GV cho HS lên thuyết trình, nói về những điều em đã tìm hiểu được kèm tranh em sưu tầm được để HS có cái nhìn cụ thể hơn về những địa điểm này. Hoặc khi HS tìm hiểu xong bài “Rồng rắn lên mây”, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi này. Điều đó có tác dụng giúp HS giải trí, thư giãn; tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho HS, đồng thời khắc sâu kiến thức, rèn cho các em sự mạnh dạn, tự tin khi tham gia trò chơi cũng như tạo điều kiện để các em thể hiện bản thân mình.

3. Kết luận

Các phương tiện dạy học là một trong những nhân tố quan trọng trong quá trình dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Phương tiện dạy học cùng với các nhân tố khác như mục đích, nhiệm vụ, nội dung dạy học, hoạt động của GV và HS, tạo thành một thể hoàn chỉnh và có quan hệ biện chứng thúc đẩy quá trình dạy học đạt tới mục đích nhất định. Vì vậy mà việc vận dụng và tiến hành các phương pháp dạy học không thể tách rời việc sử dụng phương tiện dạy học. Môn Tiếng Việt có nguồn tài nguyên, học liệu số rất đa dạng, như: sách điện tử, bài giảng điện tử, bài trình chiếu (sử dụng trên bảng tương tác), chương trình truyền hình, các loại hình ảnh, video, các trang web chia sẻ tài nguyên, học liệu số, ... Đây là yêu cầu của thực tiễn, cũng là xu thế quốc tế trong quan niệm và yêu cầu của dạy học nói chung và dạy học đọc hiểu văn bản nói riêng. Vì vậy, việc hướng dẫn HS sử dụng ĐPT vào đọc hiểu văn bản trong nhà trường là một việc làm rất cần thiết tạo nhiều cơ hội cho HS thực hành, liên hệ, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

- ACARA (2013). *The English - The Australian Curriculum*. Version 5.1. <http://www.australiancurriculum.edu.au>
- Bùi Mạnh Hùng (chủ biên, 2021a), Trần Thị Hiền Lương, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phụng. *Tiếng Việt 2 (tập 1), Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (chủ biên, 2021b), Trần Thị Hiền Lương, Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hào Tâm. *Tiếng Việt 2 (tập 2), Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đặng Thị Lệ Tâm (2020). Văn bản thông tin trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 Chương trình 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 28, 43-47.
- Mạc Văn Tiến, Trần Văn Khiêm (2007). Ứng dụng Multimedia trong các trường dạy nghề ở Việt Nam. *Tạp chí Lao động và Xã hội*, 309, 17-25.
- Duke, N. K. (2003). *Reading and writing informational text in the primary grades*. Scholastic Teaching Resources.
- Phạm Thế Long, Bùi Việt Hà, Bùi Văn Thanh (2019). *Tin học dành cho trung học cơ sở (quyển 4)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trần Thúy Nga (2022). Một số vấn đề về sử dụng đa phương tiện trong dạy học môn Toán ở trường Tiểu học (Chương trình 2018). *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(07), 35-39.
- Vũ Thị Thu Hương (2019). Văn bản thông tin và vấn đề phát triển năng lực dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho giáo viên Ngữ văn trung học. *Tạp chí Giáo dục*, 461, 25-29.